

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DU THẢO**

**THÔNG TƯ**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“4. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo *theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết*

~~một số điều của Luật Quản lý thuế<sup>1</sup> hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ<sup>2</sup>; nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.~~

2. Chi phí phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận và thu lệ phí thực hiện như sau:

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam (bao gồm cả các đơn vị đăng kiểm trực thuộc): Các khoản chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận do Ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm; mức cấp cho các đơn vị đăng kiểm tối đa bằng 20% số tiền lệ phí thu được. Cục Đăng kiểm Việt Nam lập dự toán thu, chi gửi Bộ Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Các đơn vị đăng kiểm không thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam tại các địa phương:

– Các đơn vị trực thuộc các Sở Giao thông vận tải: Các khoản chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận sẽ do Ngân sách địa phương cấp theo dự toán của Sở Giao thông vận tải được duyệt hàng năm; mức cấp các đơn vị đăng kiểm tối đa bằng 20% số tiền lệ phí thu được.

– Các đơn vị đăng kiểm thuộc công ty cổ phần, công ty tư nhân, công ty TNHH: Căn cứ số lượng cấp giấy chứng nhận đã cấp của năm trước (năm lập dự toán), đơn vị đăng kiểm dự kiến số lượng giấy chứng nhận, chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận và số tiền lệ phí thu được; gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức chi trả các đơn vị tối đa bằng 20% số tiền lệ phí thu được.

c) Chi phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận bao gồm: Chi in hồ sơ, phôi giấy, sổ chứng nhận kiểm định; chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại; chi phí khác liên quan trực tiếp đến thu lệ phí.

d) Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về số lượng giấy chứng nhận cấp ra và số lệ phí thu trong năm của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, quyết toán kinh phí phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận và thu lệ phí”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy

<sup>1</sup> Chữ đậm nghiêng: Nội dung bổ sung so với Thông tư số 199/2016/TT-BTC.

<sup>2</sup> Chữ bị gạch ngang: Nội dung bị bãi bỏ so với Thông tư số 199/2016/TT-BTC.

định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) *Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP* ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước”.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật vi phạm dãy tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**